

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HSST
Ngày: 20/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Lương Công Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham
gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phương Nam – Kiểm sát viên

Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2024; Tại trụ sở Tòa án nhân
dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở
phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2024/TLST-HS
ngày 20 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức V; Giới tính: Nam; Sinh năm 1996; Nơi đăng ký HKTT và
chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường H, thị xã D tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt
Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học
vấn: 9/12; Cha: Nguyễn H, sinh năm 1970; Mẹ: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm
1978; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2023. Có mặt.

- *Người bị hại:* Vợ chồng ông Trần Đại N, sinh năm 1990 và bà Ngô Thị
Thúy Q, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông
N có mặt, bà Q vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông NLQ1, sinh năm 1990; Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố T,
tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Bà NLQ2, sinh năm 1966; Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố T,
tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3/ Bà NLQ3, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố N, Phường C, thành phố T,
tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố P, Phường H, thị xã D
tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Ngô Xuân Quỳnh NLC1, sinh năm 2000; Địa chỉ:
đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong tháng 3/2021, vợ chồng ông Trần Đại N, bà Ngô Thị Thúy Q có nhu cầu mua đất nên nhờ Nguyễn Đức V giới thiệu giúp. V biết Phạm Huy NLQ1 đang rao bán thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 16-D, có diện tích 126,7m² ở thôn P, xã H, thị xã D tỉnh Phú Yên với giá 650.000.000 đồng, thửa đất này do bà NLQ2 (là mẹ ruột NLQ1) đứng tên chủ sử dụng đất. Đến ngày 30/3/2021, V giới thiệu cho vợ chồng ông N mua thửa đất trên, vợ chồng ông N đồng ý mua và lập hợp đồng đặt cọc cho V 20.000.000 đồng. Cùng ngày, V gặp NLQ1 thoả thuận thì NLQ1 đồng ý chuyển nhượng cho V thửa đất nêu trên với giá 630.000.000 đồng. V đặt cọc cho NLQ1 10.000.000 đồng, thoả thuận miệng trong 15 ngày kể từ ngày đặt cọc phải đưa đủ tiền mua đất nếu không sẽ mất cọc. Sau đó, V và vợ chồng ông N cũng thoả thuận giá chuyển nhượng thửa đất trên là 630.000.000 đồng.

Gần đến thời hạn giao tiền, V liên hệ trao đổi với vợ chồng ông N thì được biết vợ chồng ông N chưa đủ tiền nên V sẽ không có tiền thanh toán đúng hạn cho NLQ1. Lúc này, V liên lạc với NLQ1 để thoả thuận gia hạn thời hạn trả tiền chuyển nhượng đất thì NLQ1 yêu cầu phải đặt cọc thêm 50.000.000 đồng. Do không có tiền đặt cọc nên V không được gia hạn và mất số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng mà V đã giao cho NLQ1 trước đó, đồng thời thoả thuận chuyển nhượng đất giữa NLQ1 và V bị huỷ bỏ, nhưng V không báo cho vợ chồng ông N biết sự việc này, vì V sợ nếu biết phải đóng thêm 50.000.000 đồng tiền cọc nữa thì vợ chồng ông N không đồng ý, sẽ huỷ bỏ việc mua bán đất và V phải trả lại 20.000.000đ tiền cọc đã nhận, phải bồi thường tiền cọc cho vợ chồng ông N theo Hợp đồng đặt cọc ngày 30/3/2021. Thời điểm này, vợ chồng ông N tin tưởng việc chuyển nhượng thửa đất vẫn đang thực hiện bình thường.

Lúc này, do bản thân V đang nợ tiền của người khác, không có tiền tiêu xài nên V đã nảy sinh ý định đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhằm chiếm đoạt số tiền mua đất còn lại của vợ chồng ông N. Cụ thể:

Ngày 15/4/2021, V nói dối với vợ chồng ông N là đưa cho V 10.000.000 đồng để gia hạn thời hạn thanh toán mua đất thì vợ chồng ông N tưởng thật nên giao tiền, giấy nhận tiền do Ngô Xuân Quỳnh NLC1 (bạn gái của V) viết giúp. Sau khi nhận được tiền, V liên hệ với đối tượng có tên tài khoản Zalo “Tài Lộc” (chưa rõ lai lịch) có số điện thoại 0337.410.299 và cung cấp thông tin thửa đất số 1208 tờ bản đồ số 16-D, có diện tích 126,7m² ở thôn P, xã H, thị xã D cùng với thông tin của vợ chồng ông N là người đứng tên quyền sử dụng đất để đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, với giá 11.000.000 đồng.

Ngày 19/4/2021, tại quán cà phê Chắt, phường C, thành phố T, V tiếp tục nói dối vợ chồng ông N đưa 200.000.000 đồng để V làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. V lập Hợp đồng đặt cọc đề ngày 18/4/2021 (thể hiện giá chuyển nhượng 630.000.000đ, V đã nhận 230.000.000đ) để vợ chồng ông N

tin tưởng giao tiền và hẹn khi nào giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì vợ chồng ông N sẽ đưa số tiền 400.000.000 đồng còn lại.

Đến ngày 15/5/2021, sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả thì V đem đến đưa cho bà Q (vợ ông N) để nhận số tiền 400.000.000 đồng. Nhưng do thấy giấy chứng nhận nêu trên thiếu thông tin nên bà Q hẹn kiểm tra lại rồi sẽ đưa tiền sau. Sau đó, vợ chồng ông N, bà Q đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà V đưa, đến Ủy ban nhân dân thị xã D để kiểm tra, thì phát hiện giấy này là giả nên đến Công an thị xã D báo cáo sự việc.

Tại Kết luận giám định số 191/GĐ-PC09 ngày 28/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên đã kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 685987; đứng tên người sử dụng đất ông Trần Đại N, sinh năm 1990, địa chỉ X, xã P, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk và bà Ngô Thị Thúy Q, sinh năm 1992, địa chỉ thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 16-D, địa chỉ thửa đất thôn P, xã H, thị xã D tỉnh Phú Yên, diện tích 126,7m²; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH....., do UBND thị xã D cấp ngày 15 tháng 05 năm 2021 là giấy giả, bằng phương pháp in phun màu.

Cáo trạng số 73/CT-VKSTH ngày 07/7/2023 của VKSND thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và bị cáo thừa nhận số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 200.000.000đ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố cáo trạng, xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 210.000.000đ. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức V từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung hai tội. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/5/2023.

Về bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Vật chứng tạm giữ: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S6, màu bạc;

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức V.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người liên quan, kết luận giám định và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2021 đến ngày 15/5/2021, Nguyễn Đức V biết vợ chồng anh Trần Đại N, chị Ngô Thị Thúy Q có nhu cầu mua đất nên bị cáo Nguyễn Đức V có ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 630.000.000đ của vợ chồng bị hại anh Trần Đại N, chị Ngô Thị Thúy Q, bị cáo V đã yêu cầu vợ chồng anh N, chị Q đặt cọc số tiền 20.000.000đ để nhận chuyển nhượng thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 16-D, có diện tích 126,7m² ở thôn P, xã H, thị xã D tỉnh Phú Yên do bà NLQ2 đứng tên chủ sử dụng đất. Vào ngày 15/4/2021 Nguyễn Đức V liên hệ với tài khoản Zalo “Tài Lộc” (chưa rõ lai lịch) có số điện thoại 0337.410.299 và cung cấp thông tin thửa đất số 1208 tờ bản đồ số 16 – D, có diện tích 126,7m² ở thôn P, xã H, thị xã D tỉnh Phú Yên cùng với thông tin vợ chồng ông N là người đứng tên quyền sử dụng đất để đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với giá 11.000.000đ. Ngày 19/4/2021, bị cáo V tiếp tục yêu cầu vợ chồng anh N, chị Q đưa 200.000.000đ để bị cáo V làm thủ tục sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bị cáo V lập hợp đồng đặt cọc đề ngày 18/4/2021 (thể hiện giá chuyển nhượng 630.000.000đ, V đã nhận 230.000.000đ). Ngày 15/5/2021, sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, bị cáo V đem đến chưa cho chị Q để nhận số tiền 400.000.000đ còn lại, do nghi ngờ sỗ giả nên chị Q hẹn để chị Q kiểm tra lại rồi sẽ đưa tiền, sau

đó chị Q đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà bị cáo V đưa đến Ủy ban nhân dân thị xã D kiểm tra thì phát hiện giấy này là giả nên đến Công an thị xã D báo cáo sự việc.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Đức V theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Với các căn cứ nêu trên, HĐXX kết luận bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội:

Về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại để đưa ra các thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt của bị hại số tiền 630.000.000đ. Nhưng do người bị hại phát hiện được nên bị cáo chỉ chiếm đoạt được số tiền 210.000.000đ.

Về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Bị cáo đã cung cấp thông tin để đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của người bị hại số tiền 210.000.000 đồng. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, là gây nguy hiểm cho xã hội nhưng để nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh N, chị Q mà bị cáo bất chấp pháp luật, đặt người khác làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Với các hành vi phạm tội nêu trên, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Đức V thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại vợ chồng anh N, chị Q số tiền 210.000.000 đồng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do bị cáo có hơn 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 BLHS xử dưới khung hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S6, màu bạc mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội;

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức V.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng có tên tài khoản Zalo “Tài Lộc” mà Nguyễn Đức V đã cung cấp thông tin để đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Ngô Xuân Quỳnh NLC1 là người được Nguyễn Đức V nhờ viết giúp giấy nhận tiền ngày 15/4/2021, nhưng Như không biết việc V lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Đối với Nguyễn Văn L là chủ tài khoản 050122155428 của ngân hàng Sacombank đã đi khỏi địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa đã ủy thác điều tra nhưng chưa có kết quả nên chưa có cơ sở để xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 về tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đức V 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/5/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S6, màu bạc;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức V.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2023 giữa CQCSĐT Công an thành phố Tuy Hòa với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh; VKSND TP. Tuy Hòa;
- Công an TP Tuy Hòa;
- Sở Tư pháp;
- UBND phường H, thị xã D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hưng